

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 9 năm 2024

Số: 421/2024/CNTH-TB

THÔNG BÁO

Mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở Khu dân cư thôn Phượng Ngô 2, xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 89/MBQH-UBND ngày 05/10/2021 (Mặt bằng số 08) (Điều chỉnh, bổ sung Mặt bằng số 40/MBQH-UBND ngày 12/6/2020)

Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa thông báo mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở Khu dân cư thôn Phượng Ngô 2, xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 89/MBQH-UBND ngày 05/10/2021 (Mặt bằng số 08) (Điều chỉnh, bổ sung Mặt bằng số 40/MBQH-UBND ngày 12/6/2020) với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- UBND huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Phố Đạo Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin tài sản đấu giá:

3.1. Vị trí và diện tích:

* Vị trí: Khu đất đấu giá bao gồm 75 lô đất tại Khu dân cư thôn Phượng Ngô 2, xã Hoàng Lưu thuộc MBQH số 89/MBQH-UBND ngày 05/10/2021 (Mặt bằng số 08) (Điều chỉnh, bổ sung Mặt bằng số 40/MBQH-UBND ngày 12/6/2020).

- * Tổng diện tích đấu giá gồm 75 lô: 10.771,5 m².
- Diện tích từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết từng lô đất kèm theo*

3.2. Giá khởi điểm và hiện trạng của khu đất đấu giá:

* Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết từng lô đất kèm theo*

* Hiện trạng:

- San nền: Nền hiện trạng mặt bằng quy hoạch.
- Đường quy hoạch: Đã có đường theo quy hoạch.
- Hệ thống thoát nước: Đã có theo quy hoạch.
- Hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè lát đá: Đã có theo quy hoạch.

3.3. Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các lô đất đấu giá tại thời điểm đấu giá: Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Mục đích, hình thức sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

4. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

4.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá một vòng. Đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp tại cuộc đấu giá.

4.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

5. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

5.1. Người được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất gồm: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

5.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá ***đã ghi đầy đủ các nội dung*** theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ);

- Bản sao CCCD có gắn chip hoặc Bản sao CCCD chưa gắn chip/CMND kèm Giấy xác nhận nơi cư trú do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao CMND/CCCD của cả vợ và chồng (trừ trường hợp có nhu cầu đứng tên tài sản riêng)

- Văn bản ủy quyền được thực hiện tại văn phòng công chứng theo quy định pháp luật (*nếu có ủy quyền*).

5.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người tham gia đấu giá đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

- Trường hợp người tham gia đấu giá không thể tham gia đấu giá thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải theo quy định của pháp luật.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản năm 2016.

6. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

6.1. Tiền mua hồ sơ: 500.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại, trừ trường hợp cuộc đấu giá không được tổ chức).

6.2. Tiền đặt trước: Từ 156.000.000 đồng đến 599.412.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất.

7. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước và tổ chức cuộc đấu giá:

- **Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (Trong giờ hành chính):**

+ Từ ngày 02/10/2024 đến 16 giờ 30 phút ngày 21/10/2024 bán và thu hồ sơ trực tiếp tại trụ sở UBND xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa và trụ sở công ty đấu giá hợp danh số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- **Thời gian và địa điểm xem tài sản (Trong giờ hành chính):**

+ **Thời gian:** Liên tục từ ngày 14/10/2024 đến hết ngày 15/10/2024

+ **Địa điểm:** Tại Khu dân cư thôn Phương Ngô 2, xã Hoàng Lưu thuộc MBQH số 89/MBQH-UBND ngày 05/10/2021 (Mặt bằng số 08) (Điều chỉnh, bổ sung Mặt bằng số 40/MBQH-UBND ngày 12/6/2020).

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH và thông báo, Quyết định được niêm yết tại UBND xã Hoàng Lưu, Bộ phận một cửa – UBND Huyện Hoàng Hóa, trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:

Thời gian: Trong 03 ngày: từ ngày 21/10/2024 đến 16h30' ngày 23/10/2024

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa

+ Số tài khoản 106633996868

+ Tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank) Chi nhánh Thanh Hóa

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: “*Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá, Số CMND/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá QSDĐ xã Hoàng Lưu (Số lượng lô đất)*”.

+ **Lưu ý:** Người đăng ký tham gia đấu giá nộp tiền vào tài khoản theo tên của người đăng ký tham gia đấu giá và tiền đặt trước phải có trong tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa chậm nhất đến 16h30' ngày 23/10/2024.



- Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Vào hồi 07h30 ngày 24/10/2024 – Thứ 5 tại Hội trường UBND xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Số điện thoại: 0237.3511969 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

*** Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử QG về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa;
- UBND huyện Hoàng Hóa;
- UBND xã Hoàng Lưu;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.

TRƯỞNG CHI NHÁNH



Kiều Thị Lan

CÔNG TY ĐẦU GIÁ HỢP DANH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỐ 5 – QUỐC GIA
CHI NHÁNH THANH HÓA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 9 năm 2024



PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở Khu dân cư thôn Phụng Ngô 2, xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 89/MBQH-UBND ngày 05/10/2021 (Mặt bằng số 08) (Điều chỉnh, bổ sung Mặt bằng số 40/MBQH-UBND ngày 12/6/2020)

(Kèm theo Thông báo số: 421/2024/CNTH-TB ngày 26/9/2024

của Công ty Đầu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

ST T	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ/lô đất)	Tiền đặt trước (đồng/hồ sơ/lô đất)
MBQH số 89/MBQH-UBND ngày 05/10/2021						
1	LK1-01	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
2	LK1-02	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
3	LK1-03	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
4	LK1-04	133,0	13.248.000	1.761.984.000	500.000	352.396.000
5	LK1-05	140,9	6.500.000	915.850.000	500.000	183.170.000
6	LK1-06	134,7	6.500.000	875.550.000	500.000	175.110.000
7	LK1-07	128,5	6.500.000	835.250.000	500.000	167.050.000
8	LK1-08	122,3	6.500.000	794.950.000	500.000	158.990.000
9	LK1-09	134,8	6.500.000	876.200.000	500.000	175.240.000
10	LK1-10	124,4	6.500.000	808.600.000	500.000	161.720.000
11	LK1-11	156,4	6.500.000	1.016.600.000	500.000	203.320.000
12	LK1-12	131,2	6.500.000	852.800.000	500.000	170.560.000
13	LK1-13	157,3	6.500.000	1.022.450.000	500.000	204.490.000
14	LK2-01	131,0	13.248.000	1.735.488.000	500.000	347.097.000
15	LK2-02	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
16	LK2-03	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
17	LK2-04	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
18	LK2-05	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
19	LK2-06	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
20	LK2-07	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
21	LK2-08	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
22	LK2-09	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000

23	LK2-10	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
24	LK2-11	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
25	LK2-12	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
26	LK2-13	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
27	LK2-14	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
28	LK2-15	262,9	11.400.000	2.997.060.000	500.000	599.412.000
29	LK3-01	201,3	8.400.000	1.690.920.000	500.000	338.184.000
30	LK3-02	120,0	6.500.000	780.000.000	500.000	156.000.000
31	LK3-03	120,0	6.500.000	780.000.000	500.000	156.000.000
32	LK3-04	120,0	6.500.000	780.000.000	500.000	156.000.000
33	LK3-05	120,0	6.500.000	780.000.000	500.000	156.000.000
34	LK3-06	120,0	6.500.000	780.000.000	500.000	156.000.000
35	LK3-07	120,0	6.500.000	780.000.000	500.000	156.000.000
36	LK3-08	118,0	7.800.000	920.400.000	500.000	184.080.000
37	LK3-09	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
38	LK3-10	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
39	LK3-11	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
40	LK3-12	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
41	LK3-13	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
42	LK3-14	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
43	LK3-15	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
44	LK3-16	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
45	LK3-17	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
46	LK3-18	132,0	6.500.000	858.000.000	500.000	171.600.000
47	LK3-19	140,8	9.732.000	1.370.265.600	500.000	274.053.000
48	LK3-20	148,3	8.110.000	1.202.713.000	500.000	240.542.000
49	LK3-21	212,8	8.400.000	1.787.520.000	500.000	357.504.000
50	LK3-22	158,2	8.200.000	1.297.240.000	500.000	259.448.000
51	LK3-23	168,5	8.200.000	1.381.700.000	500.000	276.340.000
52	LK3-24	219,0	8.200.000	1.795.800.000	500.000	359.160.000
53	LK3-25	128,4	8.200.000	1.052.880.000	500.000	210.576.000
54	LK3-26	141,0	8.200.000	1.156.200.000	500.000	231.240.000
55	LK3-27	153,6	8.200.000	1.259.520.000	500.000	251.904.000
56	LK4-01	260,8	11.400.000	2.973.120.000	500.000	594.624.000
57	LK4-02	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
58	LK4-03	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
59	LK4-04	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
60	LK4-05	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
61	LK4-06	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000

62	LK4-07	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
63	LK4-08	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
64	LK4-09	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
65	LK4-10	135,0	11.040.000	1.490.400.000	500.000	298.080.000
66	LK4-11	155,2	11.040.000	1.713.408.000	500.000	342.681.000
67	LK4-12	142,6	11.040.000	1.574.304.000	500.000	314.860.000
68	LK4-13	129,9	11.040.000	1.434.096.000	500.000	286.819.000
69	LK4-14	117,3	11.040.000	1.294.992.000	500.000	258.998.000
70	LK4-15	136,1	8.200.000	1.116.020.000	500.000	223.204.000
71	LK4-16	153,8	8.200.000	1.261.160.000	500.000	252.232.000
72	LK4-17	204,2	8.200.000	1.674.440.000	500.000	334.888.000
73	LK4-18	188,3	8.400.000	1.581.720.000	500.000	316.344.000
74	LK4-19	157,7	8.110.000	1.278.947.000	500.000	255.789.000
75	LK4-20	163,3	8.110.000	1.324.363.000	500.000	264.872.000
Tổng 75 lô đất		10.771,5		97.154.510.600		19.430.897.000